Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 7205.10.00

Mã HS	7205.10.00
Mô tả hàng hóa	Hạt và bột, của gang thỏi, gang kính, sắt hoặc thép / - Hạt
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	05/11/2026 17:00:11
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/72051000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10978
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10978
Thuế GTGT (VAT)	10/8	10 / 8 (nhiều mức)	174/2025/NĐ-CP - PL1		BT2026!Q10978
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ10978
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E10288
ATIGA	2022	2022	0	AT!E10239
ATIGA	2023	2023	0	AT!F10239
ATIGA	2024	2024	0	AT!G10239
ATIGA	2025	2025	0	AT!H10239
ATIGA	2026	2026	0	AT!I10239
ATIGA	2027	2027	0	AT!J10239
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E10291
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F10291

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G10291
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H10291
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I10291
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J10291
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E10292
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F10292
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G10292
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H10292
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I10292
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J10292
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F10293
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H10245
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F10251
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G10251
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H10251
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I10251
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J10251
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K10251
VKFTA	2022	2022	0	VK!E10276
VKFTA	2023	2023	0	VK!F10276
VKFTA	2024	2024	0	VK!G10276
VKFTA	2025	2025	0	VK!H10276
VKFTA	2026	2026	0	VK!I10276
VKFTA	2027	2027	0	VK!J10276
VCFTA	2022	2022	0	VC!D10329
VCFTA	2023	2023	0	VC!E10329

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F10329
VCFTA	2025	2025	0	VC!G10329
VCFTA	2026	2026	0	VC!H10329
VCFTA	2027	2027	0	VC!I10329
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D10314
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E10314
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F10314
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G10314
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H10314
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I10314
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D10314
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E10314
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F10314
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G10314
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H10314
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I10314
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D10331
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E10331
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F10331
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G10331
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H10331
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I10331
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D10330
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E10330
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F10330
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G10330

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H10330
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I10330
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D10271
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E10271
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F10271
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G10271
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H10271
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I10271
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J10271
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D10308
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E10308
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F10308
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G10308
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H10308
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I10308
RCEP B	2022	2022	0	B!D10308
RCEP B	2023	2023	0	B!E10308
RCEP B	2024	2024	0	B!F10308
RCEP B	2025	2025	0	B!G10308
RCEP B	2026	2026	0	B!H10308
RCEP B	2027	2027	0	B!I10308
RCEP C	2022	2022	0	C!D10308
RCEP C	2023	2023	0	C!E10308
RCEP C	2024	2024	0	C!F10308
RCEP C	2025	2025	0	C!G10308
RCEP C	2026	2026	0	C!H10308

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I10308
RCEP D	2022	2022	0	D!D10307
RCEP D	2023	2023	0	D!E10307
RCEP D	2024	2024	0	D!F10307
RCEP D	2025	2025	0	D!G10307
RCEP D	2026	2026	0	D!H10307
RCEP D	2027	2027	0	D!I10307
RCEP E	2022	2022	0	E!D10311
RCEP E	2023	2023	0	E!E10311
RCEP E	2024	2024	0	E!F10311
RCEP E	2025	2025	0	E!G10311
RCEP E	2026	2026	0	E!H10311
RCEP E	2027	2027	0	E!I10311
RCEP F	2022	2022	0	F!D10308
RCEP F	2023	2023	0	F!E10308
RCEP F	2024	2024	0	F!F10308
RCEP F	2025	2025	0	F!G10308
RCEP F	2026	2026	0	F!H10308
RCEP F	2027	2027	0	F!I10308
VIFTA	2024	2024	0	VI!F9528
VIFTA	2025	2025	0	VI!G9528
VIFTA	2026	2026	0	VI!H9528
VIFTA	2027	2027	0	VI!I9528

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “10/8”. Không được giảm VAT theo 174/2025/NĐ-CP - PL1: Sản phẩm gang, sắt, thép cơ bản > Gang, gang thỏi không hợp kim; gang thỏi hợp kim; gang thỏi giàu mangan, hợp kim sắt-cacbon chứa trên 6% nhưng không quá 30% mangan tính theo trọng lượng dạng khối hoặc dạng cơ bản khác. (Tham chiếu mã HS 4 số)		174/2025/NĐ-CP - PL1	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7205.10.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 7205.10.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10978), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.